

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2020

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Dũng

Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Tuyết O, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 426/38, đường L, Tổ 31, Khóm D, Phường E, thành phố L, tỉnh T.

Bị đơn: Trần Ngọc V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 426/38, L, Tổ 31, Khóm D, Phường E, thành phố L, tỉnh T.

Chị O có mặt tại phiên tòa, anh V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Tuyết O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết O và anh Trần Ngọc V kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 21/7/2003. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường. Năm 2015, chị O đi làm công nhân tại Công ty C, có khi tăng ca về trễ, đám tiệc bạn bè. Anh V nghi ngờ, ghen tuông, vợ chồng cãi nhau. Đến tháng 7 năm 2018, chị O lên tỉnh Bình Dương làm công nhân, anh V Nhiều lần đến gây sự, hăm dọa chị O. Vợ chồng sống ly thân,

anh V không cho chị O về nhà, không cho thăm con. Trong thời gian ly thân chị O vẫn gửi tiền về để anh V xây lại căn nhà cấp 4 và nuôi con, hy vọng anh V sẽ thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị O nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Nay chị Nguyễn Thị Tuyết O yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/3/2004 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 17/9/2009. Hiện nay, 02 con chung đang sống với anh V. Chị O đồng ý để anh V được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị O không tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Trần Ngọc V: Anh Trần Ngọc V không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Ngọc V nhưng anh V không có văn bản ghi ý kiến đối với nội dung vụ án, đồng thời không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết O và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Trần Ngọc V có địa chỉ tại Phường E, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Trần Ngọc V hiện đang có mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân thành phố L đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại phiên tòa hôm nay. Chị O đồng ý việc xét xử vắng mặt anh V tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Tuyết O và anh Trần Ngọc V được xác lập vào năm 2003, do chị O tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Tuyết O cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc V. Anh V không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về

quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh V không đến Tòa án và không gửi (nộp) văn bản ghi ý kiến, để trình bày về quan hệ hôn nhân. Mặc dù, Tòa án có tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V vẫn không gửi (nộp) văn bản ghi ý kiến trình bày về quan hệ hôn nhân cho Tòa án.

Xét thấy, chị O và anh V có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O, chị Nguyễn Thị Tuyết O được ly hôn với anh Trần Ngọc V, theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét con chung*: Chị Nguyễn Thị Tuyết O và anh Trần Ngọc V có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/3/2004 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 17/9/2009. Hiện nay, 02 con chung sống chung với anh V. Khi ly hôn, chị O đồng ý anh V tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/3/2004 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 17/9/2009.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh V hiện đang có mặt tại nơi cư trú, anh V không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi 02 con chung, 02 con chung đều có nguyện vọng được sống chung với anh V, chị O cũng đồng ý anh V được tiếp tục nuôi 02 con chung, đồng thời hiện nay 02 con chung đang sống chung với anh V, nên Hội Đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị O, anh V được tiếp tục nuôi 02 con chung theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Xét về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh V vắng mặt và không có văn bản ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung và chị O không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Xét tài sản chung* : Chị O trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Nợ chung*: Chị O trình bày vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ; Anh V không có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Án phí*: Chị Nguyễn Thị Tuyết O phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Ngọc V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết O, chị Nguyễn Thị Tuyết O được ly hôn với anh Trần Ngọc V.

Con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị O, anh V được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/3/2004 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 17/9/2009. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với anh V.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết O phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004730 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, chị O đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trần Ngọc V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Chị Nguyễn Thị Tuyết O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngọc V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- UBND Phường 6, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (ĐKKH số 57, ngày 21/7/2003);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên